

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
VIỆN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**



**QUẢN LÝ BỀN VỮNG NGUỒN TÀI NGUYÊN ĐẤT
NGẬP NƯỚC DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG TẠI HỒ BA BỂ**

Chuyên ngành: Môi trường trong phát triển bền vững
Mã số: Chuyên ngành đào tạo thí điểm

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG

Hà Nội - Năm 2019

Công trình được hoàn thành tại: Viện Tài nguyên và Môi trường,
Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS Lê Diên Dực - Viện Tài nguyên và Môi trường
2. TS. Tạ Đình Thi - Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia
chấm luận án tiến sĩ, họp tại

Vào hồi.....giờ.....ngày.....thángnăm

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội
- Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Ngân Ngọc Vỹ (2015), “Quản lý tài nguyên đất ngập nước hồ Ba Bể-Thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Tài nguyên và Môi trường*, Bộ Tài nguyên và Môi trường, số 11 - Tháng 6/2015, tr. 27-32.
2. Ngân Ngọc Vỹ (2015), “Tri thức bản địa trong công tác quản lý tài nguyên đất ngập nước khu vực hồ Ba Bể”, *Tạp chí Môi trường*, Tổng cục Môi trường, số 7 – Tháng 7/2015, tr. 31-33.
3. Ngân Ngọc Vỹ (2019), “Kinh nghiệm quản lý bền vững đất ngập nước trên thế giới và bài học cho Việt Nam”, *Tạp chí Tài nguyên và Môi trường*, Bộ Tài nguyên và Môi trường, số 15 - Tháng 8/2019, tr. 53-54.
4. Ngân Ngọc Vỹ (2019), “Giải pháp phát triển du lịch, hạn chế tác động đến hệ sinh thái Vườn quốc gia Ba Bể”, *Tạp chí Môi trường*, Tổng cục Môi trường, số 7 – Tháng 9/2019, tr. 57-58.
5. Ngân Ngọc Vỹ (2019), “Bồi lắng, sạt lở đất đang đe dọa hệ sinh thái và sinh kế của cư dân khu Ramsar Vườn quốc gia Ba Bể”, *Tạp chí Môi trường*, Tổng cục Môi trường, số CD3 – Tháng 12/2019, tr. 25-27.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Kinh nghiệm ở nhiều nước cho thấy, phương thức quản lí theo hướng áp đặt từ trên xuống chưa sát thực tế và tỏ ra không đem lại hiệu quả đối với việc quản lí tài nguyên ĐNN theo cách bền vững. Theo Báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2018, các phương pháp quản lí ĐNN hiện nay còn chưa phù hợp với đặc tính sinh thái của các hệ sinh thái ĐNN. Nhiều địa phương, trong đó có VQG Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn chỉ chú trọng đến khai thác và khai thác quá mức, chưa tính đến việc bảo tồn và sử dụng bền vững ĐNN. Bên cạnh đó, hiện nay TNTN và sinh cảnh của hồ Ba Bể đang phải đối mặt với một số thách thức đáng báo động: (i) Khai thác tài nguyên thiếu bền vững, (ii) Ô nhiễm nguồn nước, (iii) Hệ thống chính sách, luật pháp và năng lực quản lí còn nhiều bất cập, hạn chế, (iv) Nhận thức, dân trí, đói nghèo ...Xuất phát từ những lý do trên, thì việc nghiên cứu và thực hiện luận án *“Quản lí bền vững nguồn tài nguyên đất ngập nước dựa vào cộng đồng tại hồ Ba Bể”*, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn là hết sức cấp thiết.

2. Mục tiêu nghiên cứu: (i) Đánh giá được hiện trạng tài nguyên ĐNN và những bất cập trong quản lí và sử dụng, (ii) Đánh giá được TTĐĐ trong khai thác và sử dụng khôn khéo ĐNN ở khu vực hồ Ba Bể, (iii) Đề xuất các giải pháp quản lí bền vững ĐNN dựa vào cộng đồng khu vực hồ Ba Bể.

3. Câu hỏi nghiên cứu và luận điểm bảo vệ của luận án

3.1. Câu hỏi nghiên cứu: (i) Đất ngập nước được quản lí và sử dụng như thế nào? Khó khăn tồn tại, thách thức là gì? (ii) Tri thức bản địa được sử dụng trong quản lí bền vững ĐNN như thế nào? Thuận lợi, khó khăn, thách thức? (iii) Cần có giải pháp nào để phát huy những thuận lợi và khắc phục những tồn tại, thách thức?

3.2. Luận điểm bảo vệ

(i) Cộng đồng địa phương và sự tham gia của các cộng đồng liên quan có vai trò quan trọng đối với việc xây dựng và thực hiện các giải pháp quản lý bền vững ĐNN, (ii) Tri thức bản địa của cộng đồng có vai trò quan trọng trong việc sử dụng khôn khéo ĐNN đảm bảo hài hòa việc sử dụng các dịch vụ HST cho phát triển kinh tế mà vẫn đảm bảo được cấu trúc, chức năng của chúng nhằm khắc phục những bất cập trong quản lý và sử dụng tài nguyên ĐNN khu vực hồ Ba Bể.

4. Điểm mới của luận án: (i) Luận án đã đưa vấn đề bảo tồn và phát huy vai trò, giá trị của tri thức bản địa của người dân địa phương trong sử dụng khôn khéo ĐNN; (ii) Đề xuất được các giải pháp quản lý bền vững ĐNN thông qua việc duy trì và áp dụng các giá trị tích cực của tri thức bản địa để quản lý bền vững ĐNN khu vực hồ Ba Bể.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

5.1 Ý nghĩa khoa học: (i) Kết quả nghiên cứu làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý bền vững ĐNN dựa vào cộng đồng khu vực hồ Ba Bể. (ii) Luận án cũng làm giàu cơ sở lý luận và khoa học đối với việc phát huy những giá trị tích cực của TTBD đối với giải pháp quản lý bền vững ĐNN dựa vào cộng đồng.

5.2 Ý nghĩa thực tiễn: (i) Kết quả nghiên cứu của luận án là cơ sở để các nhà quản lý tỉnh Bắc Kạn, huyện Ba Bể và xã Nam Mẫu tham khảo trong quá trình xây dựng chiến lược, chính sách phát triển kinh tế xã hội, (ii) Đưa ra các khuyến nghị đề xuất đối với các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương và địa phương xây dựng các văn bản hướng dẫn về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng ĐNN của Việt Nam.

6. Bố cục của luận án

Nội dung chính của luận án gồm 3 chương, ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Các khái niệm và cơ sở lý luận

1.1.1. Các khái niệm

1.1.1.1. Tài nguyên và đất ngập nước

a) *Tài nguyên thiên nhiên*: Tài nguyên thiên nhiên là các dạng vật chất được tạo thành trong suốt quá trình hình thành và phát triển của tự nhiên và sinh vật, hỗ trợ và phục vụ cho các nhu cầu phát triển của con người, gồm tài nguyên tái tạo và không tái tạo. Trong nghiên cứu này tài nguyên đất ngập nước được hiểu là một dạng của tài nguyên thiên nhiên. Khái niệm về tài nguyên đất ngập nước được trình bày chi tiết dưới đây:

b) *Định nghĩa đất ngập nước*: ĐNN là những các vùng đầm lầy, than bùn hoặc vùng nước tự nhiên hay nhân tạo, có nước thường xuyên hay tạm thời, nước đứng hay nước chảy, nước ngọt, nước lợ hay nước mặn, kể cả các vùng biển ven bờ có độ sâu không quá 6m khi thủy triều thấp.

Công ước Ramsar được xem là một “hiệp ước liên chính phủ” về bảo tồn và sử dụng khôn khéo các vùng ĐNN thông qua hợp tác quốc tế như là một biện pháp để đạt được mục tiêu PTBV trên toàn cầu.

c) *Đất ngập nước nội địa*: Theo công ước Ramsar (1971) thì đất ngập nước hồ Ba Bể là kiểu đất ngập nước (ĐNN) thứ 13. Đây là loại hình ĐNN hồ nước ngọt, thuộc các hệ thống nước ngầm trong vùng Cát-tơ có nước mặt thường xuyên quanh năm được sử dụng khai thác nguồn lợi thủy sản

d) *Các dịch vụ hệ sinh thái*: Theo Báo cáo đánh giá hệ sinh thái thiên nhiên kỹ (MA 2005), cũng giống như bất kỳ hệ sinh thái nào

khác, hệ sinh thái đất ngập nước có 4 chức năng cơ bản tương ứng với 4 giá trị dịch vụ hệ sinh thái: dịch vụ cung cấp, dịch vụ điều tiết, dịch vụ văn hóa và dịch vụ hỗ trợ

1.1.1.2. Quản lý bền vững ĐNN

Theo Sổ tay hướng dẫn quản lý ĐNN (Ramsar Handbook 18, 2010), quản lý bền vững ĐNN là việc lồng ghép các kế hoạch quản lý ĐNN vào trong các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của quốc gia, vùng và địa phương (tỉnh, huyện).

Trong nghiên cứu này Quản lý bền vững đất ngập nước được hiểu là sử dụng khôn khéo và dựa vào cộng đồng.

1.1.1.3. Cộng đồng và sự tham gia của cộng đồng

a) Cộng đồng: Lê Diên Dục đã phát triển lý thuyết về cộng đồng của Gene Barrett (2000) với 4 chuẩn mực sau đây: Địa điểm sinh tụ hay lãnh thổ cư trú, quyền lợi hay mối quan tâm, luật tục (hương ước) và bản sắc.

b) Lý thuyết về sự tham gia của cộng đồng

Sự tham gia của cộng đồng là phương tiện để tác động đến quá trình ra quyết định có liên quan tới cuộc sống của người dân, đồng thời là cách thức để chuyển giao quyền lực chính trị.

1.1.1.4. Quản lý dựa vào cộng đồng và sử dụng khôn khéo

Quản lý tài nguyên ĐNN dựa vào cộng đồng là hoạt động nhằm định hướng các vấn đề thông qua kiểm soát quản lý tài nguyên mang tính địa phương hơn. Khi quản lý tài nguyên dựa vào cộng đồng trở nên tiến bộ hơn nó sẽ giải quyết các vấn đề của cộng đồng về ĐNN một cách toàn diện hơn. Quản lý tài nguyên dựa vào cộng đồng là một nỗ lực làm cho cộng đồng “được kiểm soát hơn”.

1.1.1.5. Tri thức bản địa trong quản lý tài nguyên và sử dụng khôn khéo ĐNN

Sổ tay Ramsar 01 về “sử dụng khôn khéo ĐNN” và Sổ tay Ramsar 18 về quản lý ĐNN đã khẳng định và khuyến cáo rằng việc sử dụng tri thức bản địa của cộng đồng trong bảo tồn và khai thác ĐNN là một trong những cấu phần quan trọng không thể thiếu để đảm bảo việc quản lý bền vững các khu ĐNN.

1.1.2. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận xuyên suốt của luận án là tiếp cận hệ sinh thái (HST) và tiếp cận dựa vào cộng đồng (trên cơ sở phát huy giá trị tích cực của TTBD):

1.1.2.1. Tiếp cận hệ sinh thái (tiếp cận HST)

Cách tiếp cận HST/dựa trên HST (Ecosystem/Ecosystem Based Approach - EBA) là cách tiếp cận quản lý nhằm giải quyết các thách thức đối với môi trường và con người.

Tiếp cận quản lý dựa vào HST (EBM) là một cách tiếp cận đa ngành nhằm cân bằng các nguyên tắc về sinh thái, xã hội và chính trị ở những phạm vi thời gian và không gian phù hợp trong một vùng địa lý phù hợp để sử dụng tài nguyên bền vững.

1.1.2.2. Tiếp cận dựa vào cộng đồng

Công ước về vùng đất ngập nước (Ramsar, 1971) là một hiệp ước liên chính phủ với sứ mệnh “Bảo tồn và sử dụng khôn khéo đất ngập nước thông qua hành động của địa phương, khu vực, quốc gia và hợp tác quốc tế góp phần đạt được mục tiêu phát triển bền vững trên toàn thế giới”.

1.2. Tổng quan các vấn đề nghiên cứu

1.2.1. Các nghiên cứu về quản lý bền vững đất ngập nước

Luận án nhằm làm nổi bật vai trò, tầm quan trọng và cách thức của cộng đồng tham gia vào mô hình quản lý bền vững ĐNN để từ đó áp dụng vào khu vực nghiên cứu. Nghiên cứu một số mô hình thành công trên thế giới như: Vùng ĐNN Blyth và Liverpool là vùng ĐNN

nội địa rộng lớn thuộc lưu vực sông Liverpool (Úc), mô hình ở Tanzania (Đông Nam châu Phi), Vùng ĐNN Kampung Kuantan, Bang Selangor State, Malaysia, mô hình quản lý ĐNN tại Thái Lan.

NCS cho rằng các tư liệu này vẫn còn tồn tại một số thiếu hụt xét trên khía cạnh nghiên cứu về công tác bền vững ĐNN dựa vào cộng đồng đó chính là khoảng trống cần phải tiếp tục bổ sung và là điểm khác biệt so với luận án của tác giả.

1.2.2. Các nghiên cứu về quản lý và sử dụng đất ngập nước dựa vào cộng đồng

Hiện nay trên thế giới cũng như tại Việt Nam có nhiều mô hình quản lý bền vững và sử dụng hợp lý ĐNN đã được áp dụng và cho kết quả khả quan. Ví dụ một số mô hình thành công ở Việt Nam: Mô hình sử dụng hợp lý ĐNN tại Vườn quốc gia Xuân Thủy, Nam Định; Mô hình quản lý tài nguyên rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng tại Đông Hải - Tiên Yên và Đại Bình – Đầm Hà, Quảng Ninh...

Nhận xét chung về các mô hình ở Việt Nam: Đa số các công trình và đề tài nghiên cứu thường mang tính đơn ngành, chưa chú ý đến sự lồng ghép giữa khoa học tự nhiên và xã hội, thiếu tính đa ngành, đa lĩnh vực nên kết quả chỉ phục vụ cho mục đích khai thác, sử dụng tài nguyên theo từng ngành, từng địa phương, thiếu những giải pháp phù hợp với mục đích quản lý bảo tồn và phát triển bền vững.

1.2.3. Các nghiên cứu về tác động của du lịch tới môi trường của khu bảo tồn (KBT) và vườn quốc gia (VQG)

Theo Sunlu (2003), trong một nghiên cứu về tác động của du lịch tới môi trường trên phạm vi toàn cầu, cho thấy bên cạnh những đóng góp tích cực đối với phát triển kinh tế xã hội, các hoạt động phát triển du lịch cũng tạo ra những tác động tiêu cực tới tài nguyên và môi trường, bao gồm các hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng, như đường xá, sân bay, các cơ sở du lịch, như nhà hàng, khách sạn, sân gold, tàu du lịch biển...vv.

1.2.4. Các nghiên cứu về tri thức bản địa trong quản lý và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên

Nghiên cứu của Dixon (2012) về vai trò của tri thức bản địa (TTBĐ) trong quản lý bền vững ĐNN ở Ethiopia chỉ ra rằng để quản lý bền vững ĐNN cần khuyến khích người dân sử dụng TTBĐ của họ trong sử dụng và bảo tồn ĐNN.

1.2.5. Tổng quan về chính sách quản lý và bảo tồn ĐNN của Việt Nam

Các văn bản pháp luật nêu trên đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng trong việc quản lý và phát triển bền vững ĐNN ở Việt Nam.

Hệ thống pháp luật về ĐNN hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý trước sự biến động không ngừng về diện tích và chất lượng vùng ĐNN. Mặc dù, có nhiều văn bản quy phạm pháp luật thuộc nhiều ngành, lĩnh vực liên quan đến ĐNN nhưng chỉ quy định mang tính riêng rẽ cho từng đối tượng trên vùng đất ngập nước và chưa quy định cụ thể về quản lý các vùng ĐNN theo đúng đặc tính sinh thái ĐNN theo hướng dẫn của Công ước Ramsar.

Tiểu kết Chương 1: (i) Để quản lý bền vững ĐNN cả ở trên thế giới và Việt Nam cần tôn trọng và áp dụng cách tiếp cận “quản lý bảo tồn dựa vào cộng đồng” để sử dụng khôn khéo ĐNN. Mô hình quản lý ĐNN thành công trên thế giới đều áp dụng cách tiếp cận “Sử dụng khôn khéo ĐNN” như mô hình của Úc, Tanzania và Ehtiopia...**(ii)** Ở Việt Nam, có một số mô hình áp dụng hiệu quả và thành công cách tiếp cận “sử dụng khôn khéo ĐNN” trong khai thác và quản lý ĐNN tại các khu ĐNN ven biển, như khu Ramsar Xuân Thủy, khu ĐNN vịnh Tiên Yên, rừng ngập mặn Đàm Hà, Quảng Ninh. Tuy nhiên chưa có mô hình quản lý ĐNN nội địa nào ở Việt Nam áp dụng cách tiếp cận “sử dụng khôn khéo” dựa vào cộng đồng; **(iii)** Quản lý bền vững ĐNN dựa vào cộng đồng được áp dụng tại khu vực Ramsar

VQG Ba Bể như sau: (i) Xây dựng các giải pháp sử dụng khôn khéo ĐNN có sự tham gia và sự đồng thuận của các cộng đồng liên quan, (ii) bảo tồn và phát huy các giá trị tích cực của TTBD trong sử dụng khôn khéo ĐNN.

CHƯƠNG 2

ĐỊA ĐIỂM, ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI GIAN, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa điểm, đối tượng, phạm vi, thời gian nghiên cứu

2.1.1. Địa điểm nghiên cứu

2.1.1.1. Điều kiện tự nhiên của khu vực VQG Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn

2.1.1.2. Điều kiện kinh tế xã hội

2.1.1.3. Tình hình kinh tế xã hội xã Nam Mẫu

2.1.2. Đối tượng nghiên cứu, khảo sát

Đối tượng cần điều tra khảo sát trong nghiên cứu của luận án gồm: (1) Tài nguyên ĐNN khu vực hồ Ba Bể; (2) Hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, các vấn đề môi trường liên quan và công tác quản lý bảo vệ khu vực ĐNN hồ Ba Bể; (3) Cộng đồng liên quan tới khai thác và sử dụng ĐNN khu vực hồ Ba Bể

2.1.3. Phạm vi nghiên cứu

2.1.3.1. Phạm vi về không gian: theo hồ sơ khu Ramsar VQG Ba Bể, gồm 4 thôn ven hồ Ba Bể (Bó Lù, Cốc Tộc, Bản Cắm và Pác Ngòi) và 2 thôn vùng cao (Khau Qua, Nặm Dài).

2.1.3.2. Phạm vi về thời gian: từ năm 2013 đến năm 2019

2.2. Nội dung nghiên cứu

Nội dung nghiên cứu của luận án bao gồm: (1) Tổng quan về ĐNN và quản lý ĐNN (2) Điều tra khảo sát đánh giá hiện trạng tài

nguyên ĐNN tại khu vực hồ Ba Bể;(3) Hiện trạng công tác quản lí, sử dụng tài nguyên ĐNN của các bên liên quan đặc biệt là cộng đồng người dân; (4) Xác định được các vấn đề môi trường phát sinh và tiềm ẩn từ bất cập trong khai thác, sử dụng ĐNN; (5) Nghiên cứu đề xuất mô hình quản lí bền vững nguồn tài nguyên ĐNN dựa vào cộng đồng khu vực hồ Ba Bể.

2.3. Cách tiếp cận nghiên cứu

Tiếp cận dựa vào cộng đồng

2.4. Phương pháp nghiên cứu

2.4.1. Phương pháp thu thập tài liệu, số liệu thứ cấp

Xây dựng cơ sở dữ liệu cho luận án bao gồm các tài liệu, số liệu thu thập từ các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của luận án.

2.4.2. Phương pháp PRA

Một số công cụ PRA đã được luận án sử dụng, gồm: SWOT, Sơ đồ VENN, Sơ đồ mặt cắt, *Lịch thời vụ*, *Phòng vấn bán cấu trúc*; *Thảo luận nhóm tập trung*, *Lịch sử tài nguyên và môi trường*, *Phân loại hộ nghèo*.

2.4.3. Phương pháp điều tra khảo sát thực tế

Nhằm thu thập số liệu, tham vấn cộng đồng dân cư, cán bộ quản lý địa phương, các bên liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên ĐNN khu vực hồ Ba Bể

2.4.4. Phương pháp đánh giá tổng hợp các vấn đề theo mô hình DPSIR

Mô hình DPSIR được sử dụng nhằm xác định, phân tích và đánh giá các chuỗi quan hệ nguyên nhân - kết quả: nguyên nhân gây ra các vấn đề môi trường, hậu quả của chúng và các biện pháp ứng phó cần thiết nhằm sử dụng khôn khéo tài nguyên ĐNN khu vực hồ Ba Bể.

2.4.5. Phương pháp phân tích thành phần các bên liên quan bằng ma trận

Trong nghiên cứu này nhằm xác định, phân tích vai trò của cộng đồng các bên liên quan trong khai thác, sử dụng và quản lý đất ngập nước khu vực hồ Ba Bể, từ đó đề xuất các giải pháp quản lý bền vững ĐNN dựa vào cộng đồng.

Tiểu kết chương 2

Luận án đã xây dựng khung phân tích vấn đề nghiên cứu và trên cơ sở đó đã xây dựng phương pháp nghiên cứu. Các phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng trong luận án, gồm:

- Phương pháp PRA,
- Phương pháp đánh thu thập tài liệu sơ cấp, thứ cấp,
- Phương pháp đánh giá tổng hợp các vấn đề theo mô hình DPSIR,
- Phương pháp phân tích thành phần các bên liên quan bằng ma trận.

Chương 3 sẽ gắn kết giữa cơ sở lý luận, khung phân tích vấn đề nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu để lần lượt trả lời các câu hỏi nghiên cứu đã được đặt ra trong luận án.

CHƯƠNG 3

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tầm quan trọng của đất ngập nước khu vực hồ Ba Bể

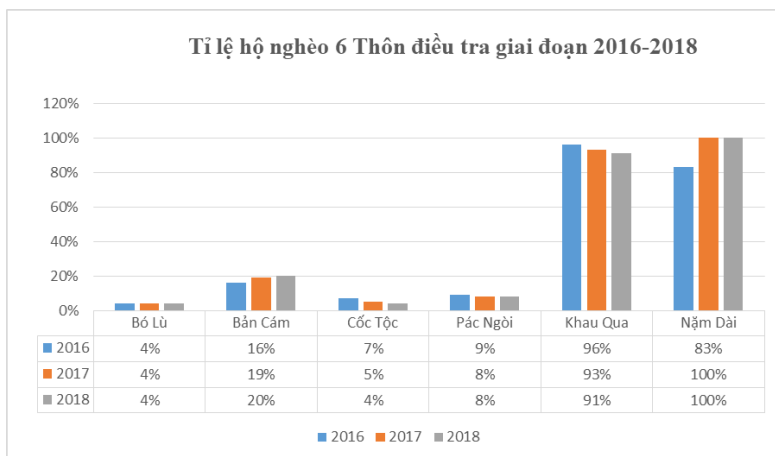
VQG Ba Bể có tầm quan trọng cao trong hệ thống khu bảo tồn của Việt Nam và là nơi duy nhất bảo vệ hệ sinh thái hồ nước ngọt tự nhiên trong vùng đá vôi, là một trong 12 khu vực cần ưu tiên cao nhất trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học của quốc gia. Năm

1995, hồ Ba Bể đã được Hội nghị các Hồ nước ngọt thế giới, tổ chức tại Mỹ công nhận là một trong 20 hồ nước ngọt đặc biệt của thế giới cần được bảo vệ. Cuối năm 2004, Vườn quốc gia Ba Bể được công nhận là Vườn di sản Asean. Năm 2011, hồ Ba Bể được Ban thư ký công ước Ramsar công nhận là khu Ramsar (vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế) thứ 1938 của thế giới và là khu Ramsar thứ 3 của Việt Nam sau khu Ramsar Xuân Thủy (Nam Định) và Bàu Sấu (Đồng Nai).

3.1.1. Tầm quan trọng của ĐNN khu vực hồ Ba Bể đối với lĩnh vực kinh tế

Kết quả điều tra khảo sát trực tiếp tại 6 thôn, gồm 4 thôn vùng thấp ven hồ Ba Bể là Pác Ngòi; Cốc Tộc; Bó Lù, và Bản Cầm và 2 thôn vùng cao là Khau Qua và Năm Dài thuộc khu vực bảo vệ nghiêm ngặt của khu Ramsar VQG Ba Bể cho thấy các hoạt động sinh kế chủ yếu là: canh tác nông nghiệp (lúa, ngô, chăn nuôi); đánh bắt và nuôi trồng thủy sản chủ yếu là đánh bắt và nuôi cá; khai thác các sản phẩm phi lâm nghiệp; cung cấp các hoạt động du lịch Homestay, bán hàng cho khách du lịch và hoạt động trở xuồng du lịch ở 4 thôn vùng thấp ven hồ Hồ Ba Bể, trong đó nông nghiệp vẫn là sinh kế chính đối với cộng đồng cư dân ở 2 thôn vùng cao, nơi có 100% tỉ lệ hộ nghèo, sinh kế của họ phụ thuộc hoàn toàn vào TNTN khu vực hồ Ba Bể.

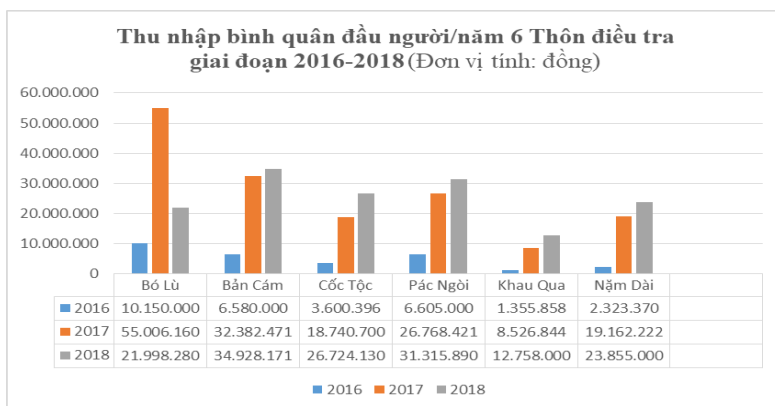
Theo kết quả điều tra có sự chênh lệch rất lớn giữa 4 thôn ven hồ Ba Bể và 2 thôn vùng cao về tỉ lệ hộ nghèo. Hai thôn vùng cao có tỉ lệ hộ nghèo là 95-100% trong khi tại 4 thôn ven hồ tỉ lệ hộ nghèo thấp hơn nhiều, không quá 10% tại Hình 3.1.



Nguồn: Kết quả nghiên cứu

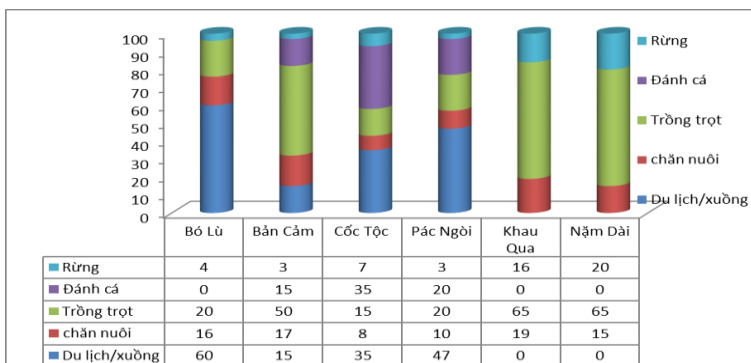
Hình 3.1. Tỉ lệ hộ nghèo 6 thôn điều tra 2016-2018

Theo đó cũng có sự chênh lệch lớn về thu nhập giữa các thôn vùng cao với các thôn ven hồ Ba Bể. Do được hưởng lợi từ các hoạt động phi nông nghiệp, nên thu nhập bình quân đầu người ở các thôn ven hồ cao hơn từ 3-6 lần so với 2 thôn vùng cao được mô tả tại Hình 3.2 và Hình 3.3.



Nguồn: Kết quả nghiên cứu

Hình 3.2 Thu nhập bình quân đầu người 6 thôn điều tra



Nguồn: Kết quả nghiên cứu

Hình.3.3. Cơ cấu thu nhập của 6 thôn điều tra từ các sinh kế

3.1.1.1. Hoạt động nông nghiệp

Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động trồng trọt chủ yếu là canh tác lúa nước, ngô và cây hoa màu, cụ thể tại Bảng 3.1.

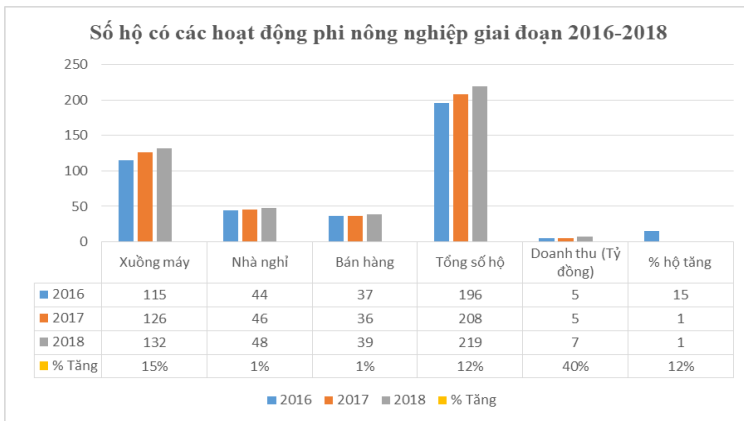
Bảng 3.1. Diện tích và sản lượng lúa xuân và lúa mùa 2016 của 06 thôn Pác Ngòi, Cốc Tộc, Bó Lù, và Bản Cầm

TT	Tên thôn	Lúa vụ xuân			Lúa vụ mùa			Tổng SL (tấn)
		DT (ha)	NS (tạ/ha)	SL (tấn)	DT (ha)	NS (tạ/ha)	SL (tấn)	
1	Pác Ngòi	16	53	84,8	15	40	60	144,8
2	Bó Lù	7	53	37,1	5	40	20	57,1
3	Cốc Tộc	5	53	26,5	5	40	20	46,5
4	Bản Cầm	17	53	90,1	16	40	64	154,1
5	Khau Qua	2	53	10,6	8	40	32	42,6
6	Nặm Dài	-	-	-	4	40	16	16
	Tổng	47	53	249,1	53	40	212	461,1

Nguồn: Kết quả nghiên cứu

3.1.1.2. Hoạt động phi nông nghiệp

Hoạt động phi nông nghiệp của người dân khu vực hồ Ba Bể chủ yếu là phục vụ nhà nghỉ Homestay, chở xuồng và bán hàng phục vụ khách thăm quan du lịch. Chỉ có người dân tại 4 thôn ven hồ, gồm Bó Lù, Cốc Tộc, Bản Cắm và Pác Ngòi được hưởng lợi từ các hoạt động phi nông nghiệp, còn 2 thôn vùng cao, gồm Khau Qua và Nặm Dài thì 100% sinh kế chỉ từ nông nghiệp và chăm sóc bảo vệ rừng mô tả tại Hình 3.4.



Nguồn: Kết quả nghiên cứu

Hình 3.4: Số hộ cung có các hoạt động phi nông nghiệp 2016-2018

3.1.1.4. Hoạt động lâm nghiệp

Trong giai đoạn 2016-2018, qua các năm tỉ lệ thu nhập từ rừng của người dân rất khiêm tốn, do họ không được phép khai thác gỗ và các sản phẩm từ rừng tự do như trước đây, mà chủ yếu là nhận thù lao từ tiền công bảo vệ rừng được giao trên tổng diện tích 2.315 ha rừng được giao cho 6 thôn hàng năm với thu nhập 200 nghìn đồng/ha rừng được giao khoán bảo vệ, theo Bảng 3.5., thời gian trước đây khai thác gỗ trái phép tại khu vực VQG Ba Bể là một trong những nguồn thu nhập chính của cộng đồng dân cư nơi đây.

Bảng 3.2. Diện tích giao khoán bảo vệ rừng đặc dụng 6 thôn

TT	Tên thôn	DT rừng được giao khoán bảo vệ (ha) giai đoạn 2016-2018	Thu nhập từ bảo vệ rừng (đồng)	% nhập từ dịch vụ BVR
1	Bản Cắm	353,97	70,794,000 đ	3%
2	Bố Lù	422,08	84,416,000 đ	4%
3	Cốc Tộc	436,05	87,210,000 đ	7%
4	Pác Ngòi	475,42	95,084,000 đ	3%
5	Khau Qua	303,55	60.710,000 đ	16%
6	Nậm Dài	324,20	64.840,000 đ	32%
	Tổng	2.315,27	463.054.000 đ	5%

Nguồn: UBND xã Nam Mẫu 2017

3.1.2. Tầm quan trọng của ĐNN khu vực hồ Ba Bể đối với lĩnh vực xã hội

VQG Ba Bể là nơi cư ngụ của hơn 3000 cư dân thuộc 5 nhóm dân tộc khác nhau. Ngày 27/9/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ký "Quyết định số 1419/QĐ-TTg" xếp hạng Danh lam thắng cảnh Hồ Ba Bể là Di tích quốc gia đặc biệt.

Cùng với những nét đặc sắc của văn hóa, phong tục tập quán của các dân tộc sống xung quanh khu vực hồ Ba Bể, như hội Lồng Tồng (hội xuân), các điệu hát Then, hát Lượn của cộng đồng địa phương, chủ yếu là người Tày thì hệ thống tri thức bản địa (TTBĐ) của họ cũng được hình thành và sử dụng trong các lĩnh vực của đời sống. Kết quả nghiên cứu cho thấy trên 85% số người được phỏng vấn cho rằng họ thường xuyên sử dụng TTBĐ trong các lĩnh vực: nông lâm nghiệp, thủy sản, dự báo thời tiết và dược liệu truyền thống.

3.1.3. Tầm quan trọng của ĐNN khu vực hồ Ba Bể đối với lĩnh vực môi trường

Hệ sinh thái khu Ramsar VQG hồ Ba Bể có 4 chức năng cơ bản tương ứng với 4 giá trị dịch vụ hệ sinh thái: dịch vụ cung cấp, dịch vụ

điều tiết, dịch vụ văn hóa và dịch vụ hỗ trợ. So với báo cáo đánh giá hệ sinh thái thiên nhiên kỹ đã liệt kê 17 loại hình dịch vụ hệ sinh thái do ĐNN cung cấp, thì khu vực ĐNN hồ Ba Bể hầu như có đầy đủ các giá trị dịch vụ hệ sinh thái đó. Đối với cộng đồng người dân khu vực hồ Ba Bể, sinh kế của người dân chủ yếu nhờ vào các giá trị dịch vụ HST ĐNN đem lại, vì vậy đa số người dân đều cho rằng các giá trị dịch vụ HST ĐNN quan trọng đối với họ, ý kiến của họ được tổng hợp tại Bảng 3.3..

Bảng 3.3. Ý kiến của người dân về vai trò của dịch vụ HST ĐNN

TT	Vai trò cung cấp các giá trị dịch vụ HST cho người dân địa phương	Tỉ lệ người được phỏng vấn		
		Tương đối QT	Quan trọng	Rất quan trọng
1	Cung cấp các loại thực phẩm	01%	36%	63%
2	Cung cấp các loại dược liệu, thuốc truyền thống	9%	64%	27%
3	Cung cấp các loại thủy sản	2%	48%	46%
4	Cung cấp các loại khoáng sản	32%	36%	13%
5	Cung cấp các loại sản phẩm phi lâm nghiệp	22%	46%	18%
6	Cung cấp đất canh tác nông nghiệp	28%	8%	50%
7	Dịch vụ du lịch, xuống	12%	57%	26

Nguồn: Kết quả nghiên cứu

3.2. Những bất cập trong quản lý ĐNN khu vực hồ Ba Bể

3.2.1. Bất cập trong công tác quản lý ĐNN khu vực hồ Ba Bể

Hiện nay tại khu vực hồ Ba Bể, UBND xã Nam Mẫu và Ban Quản lý VQG Ba Bể là, về lĩnh vực quản lý nhà nước về ĐNN, 2 đơn vị được giao tham gia trực tiếp quản lý, tuy nhiên còn tồn tại một số bất cập, được tổng hợp tại Bảng 3.4.

Bảng 3.4. Bất cập trong quản lý ĐNN hiện nay của địa phương

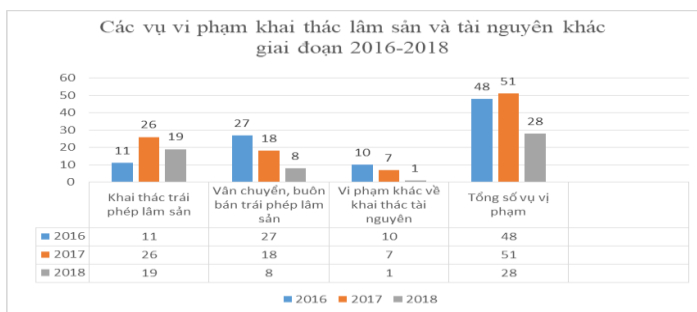
Đơn vị quản lí	Bất cập trong quản lý ĐNN hiện nay
BQL VQG Ba Bể	<ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng kiểm lâm mỏng, thiếu cơ chế giám sát, phối hợp với các cơ quan khác và cộng đồng địa phương; - Thiếu cơ chế huy động nguồn lực đặc biệt là nguồn kinh phí cho công tác quản lý bảo tồn và xử lí môi trường; - Thay đổi chính sách của TW và tỉnh chưa phù hợp.
UBND xã Nam Mẫu	<ul style="list-style-type: none"> - Hạn chế về năng lực của cán bộ và lãnh đạo; - Thiếu cơ chế chính sách trong đó có quy hoạch sử dụng đất và cơ chế quản lý, xử lí vi phạm bất hợp pháp trong khai thác, sử dụng TNTN tại khu vực hồ Ba Bể.

Nguồn: Kết quả nghiên cứu

Theo kết quả điều tra, trên 90% số hộ điều tra cho rằng chính sách quản lý ĐNN hiện hành là chưa hiệu quả, đồng thời 73% số hộ được phỏng vấn cho rằng Ban quản lý VQG Ba Bể và UBND còn yếu kém hạn chế về năng lực quản lý.

3.2.2. Bất cập trong sử dụng tài nguyên ĐNN khu vực hồ Ba Bể

Mặc dù các vụ vi phạm khai thác tài nguyên có xu hướng giảm đi, tuy nhiên, số vụ khai thác trái phép lâm sản, chặt phá rừng vẫn còn tồn tại, nếu không có biện pháp ngăn chặn, xử lí thì nguồn tài nguyên rừng sẽ đứng trước nguy cơ bị tàn phá nghiêm trọng tại Hình 3.5.

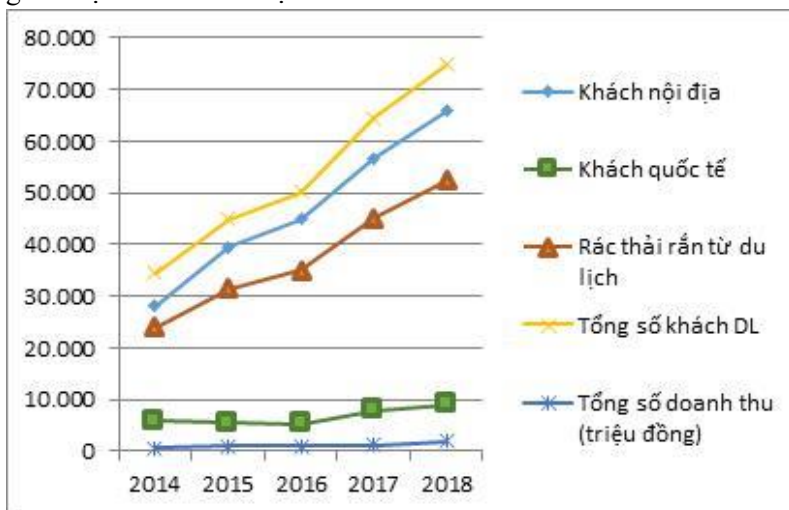


Nguồn: Ban quản lý VQG Ba Bể

Hình 3.5. Các vụ vi phạm trong khai thác TNTN

Bên cạnh tài nguyên rừng, hiện nay nguồn thủy sinh hồ Ba Bể cũng đang bị đe dọa nghiêm trọng do người dân sử dụng các công cụ đánh bắt mang tính hủy diệt mà không có sự phòng ngừa, kiểm soát và xử lý hiệu quả của các cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền địa phương. Theo kết quả điều tra, trên 70% số hộ được phỏng vấn cho rằng lưới bát quái được dùng phổ biến để đánh bắt thủy sản trong hồ Ba Bể, 48% số hộ cho rằng vẫn còn nhiều hộ dùng lưới nhỏ để đánh bắt cá; 64% số hộ được hỏi cho biết thỉnh thoảng vẫn có đối tượng sử dụng chất nổ để đánh cá, gây nguy hại nghiêm trọng tới các loài thủy sinh của hồ Ba Bể.

Sức ép từ sự gia tăng các hoạt động du lịch cũng tạo ra những tác động tiêu cực tới môi trường của hồ Ba Bể từ du khách và xuống máy trở khách du lịch (rác thải rắn, rác thải sinh hoạt...). Số lượng du khách đến thăm hồ Ba Bể tăng trung bình 30%/năm, giai đoạn 2015-2018 tại Hình 3.6.



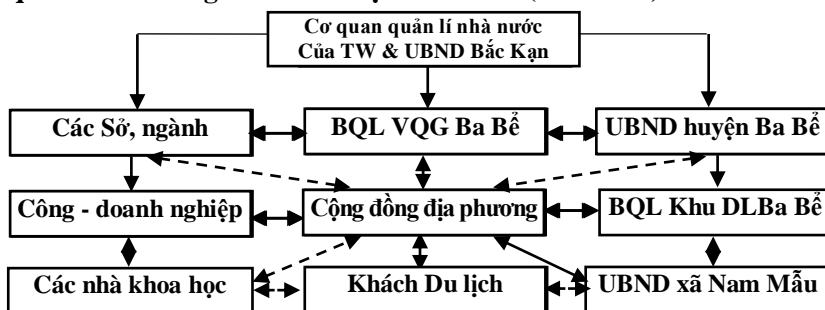
Nguồn: Ban quản lý VQG Ba Bể

Hình 3.6. Lượng du khách và chất thải rắn qua các năm tại hồ Bể

3.2.3. **Bắt cập về nhận thức của cán bộ, người dân trong sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên khu vực hồ Ba Bể**

Một trong những nguyên nhân tác động tiêu cực đến việc sử dụng TNTN khu vực hồ Ba Bể thiếu bền vững là do nhận thức của một số cán bộ và người dân còn hạn chế. 98% số người được phỏng vấn cho rằng nhận thức của cộng đồng về sử dụng bền vững TNTN còn hạn chế. 96% số hộ được phỏng vấn cho rằng, để xảy ra các vụ khai thác TNTN bất hợp pháp là do ý thức và trách nhiệm của đội ngũ kiểm lâm của Ban quản lý VQG Ba Bể.

3.3. Đề xuất mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng để quản lý bền vững ĐNN khu vực hồ Ba Bể (Hình 3.7.)



Nguồn: Kết quả nghiên cứu

Hình 3.7. Mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng để quản lý bền vững ĐNN khu vực hồ Ba Bể

3.3.1. **Quan điểm và cơ sở đề xuất**

Cơ sở pháp lý nền tảng cho việc đề xuất mô hình gồm một số văn bản: (i) Nghị định số 29/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã; (ii) Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng ĐNN; (iii) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; (iv) Quy hoạch phát triển du lịch của tỉnh Bắc Kạn, trong đó cần coi trọng các giá trị tài nguyên du lịch sinh thái, các giá trị về đa dạng sinh học, TTĐ.

3.3.2. Ý kiến của cộng đồng và các bên liên quan về việc nhân rộng mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng để quản lý bền vững ĐNN

93% số hộ được phỏng vấn đề xuất xây dựng và nhân rộng mô hình, 100% cán bộ UBND xã Nam Mẫu và lãnh đạo, cán bộ Ban quản lý VQG Ba Bể ủng hộ việc xây dựng và nhân rộng mô hình.

3.3.3. Xây dựng và thực hiện cơ chế hợp tác, phối hợp giữa các bên, gắn kết cộng đồng và xã hội, nâng cao năng lực cho cán bộ địa phương và tăng cường sự tham gia của cộng đồng

Mối quan hệ giữa các thành phần tham gia mô hình: Trong mô hình này Ban quản lý VQG Ba Bể là đơn vị trực tiếp quản lý các hoạt động du lịch trong khu vực VQG, dưới sự chỉ đạo chung của UBND tỉnh Bắc Kạn và chỉ đạo theo chuyên ngành của Các Sở, ngành liên quan (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Tài nguyên - Môi trường; Sở Xây dựng...). Cộng đồng địa phương giữ vai trò trung tâm trong việc triển khai các hoạt động phát triển du lịch và bảo vệ môi trường. Các doanh nghiệp kết nối với cộng đồng địa phương để cung cấp nguồn khách du lịch. UBND huyện Ba Bể hỗ trợ cộng đồng trong công tác triển khai các hoạt động du lịch, đảm bảo an ninh, an toàn cho du khách.

3.3.4. Đảm bảo tính hợp lý về sinh thái và phát triển bền vững trong quá trình phát triển và nhân rộng mô hình

Bảo vệ nghiêm ngặt các giá trị của tài nguyên du lịch; bảo vệ các hệ sinh thái, đa dạng sinh học, các di tích văn hóa lịch sử và các giá trị văn hóa cộng đồng khu Ramsar VQG Ba Bể. Đồng thời, tăng cường sự tham gia và đảm bảo lợi ích của cộng đồng trong quản lý và sử dụng tài nguyên ĐNN tại khu vực hồ Ba Bể.

3.3.5. Tôn trọng và phát huy vai trò và các giá trị tích cực của TTBD

Một trong 5 nguyên tắc của quản lý tài nguyên dựa vào cộng đồng cần thừa nhận và phát huy những giá trị tích cực của TTBD trong mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng khu vực hồ Ba Bể. Theo đó, mô hình đề xuất sẽ kết hợp giữa TTBD với ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong quá trình triển khai áp dụng mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng khu vực hồ Ba Bể nhằm quản lý bền vững ĐNN ở đây.

3.3.6. Đảm bảo và tăng cường bình đẳng giới

Theo kết quả nghiên cứu, nam giới tham gia thực hiện các hoạt động sinh kế nhiều hơn nữ với tỉ lệ 62% nam và 38% nữ, bên cạnh đó nữ thường là người có ít cơ hội tham gia quyết định sử dụng, khai thác các giá trị dịch vụ hệ sinh thái ĐNN của hồ Ba Bể. Như vậy để đảm bảo một trong 5 nguyên tắc quản lý ĐNN dựa vào cộng đồng thì phụ nữ cần được tăng cường, khuyến khích tham gia vào quá trình ra quyết định.

Tiểu kết Chương 3

Vấn đề quản lý và sử dụng tài nguyên ĐNN tại khu vực hồ Ba Bể vẫn còn tồn tại hạn chế, khó khăn bất cập. Để khắc phục những khó khăn, hạn chế đó cần áp dụng cách tiếp cận quản lý bảo tồn dựa vào cộng đồng để quản lý bền vững ĐNN khu vực hồ Ba Bể bằng các giải pháp đề xuất, đặc biệt là xây dựng và áp dụng mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại địa phương.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Nghiên cứu quản lý bền vững tài nguyên đất ngập nước dựa vào cộng đồng tại khu vực hồ Ba Bể là một nghiên cứu khoa học ứng dụng có ý nghĩa quan trọng trong công tác quản lý bảo tồn nhằm sử

dụng khôn khéo, hiệu quả và bền vững tài nguyên ĐNN tại khu Ramsar VQG Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn trong bối cảnh phát triển KT-XH nhanh gây ra các hệ lụy về môi trường, sử dụng đất. Bên cạnh đó, tác động của BĐKH ngày càng rõ rệt. Nghiên cứu “Quản lý bền vững nguồn tài nguyên đất ngập nước dựa vào cộng đồng tại khu vực hồ Ba Bể” giúp cho các cơ quan nghiên cứu, các cơ quan quản lý nhà nước ở các cấp và cộng đồng người dân hiểu rõ hơn cơ sở khoa học và thực tiễn của mô hình quản lý bảo tồn dựa vào cộng đồng.

Đất ngập nước khu vực hồ Ba Bể có tính đa dạng sinh học cao và có vai trò đặc biệt quan trọng đối với kinh tế, xã hội và môi trường, là nền tảng, cơ sở cơ bản cung cấp đầy đủ 4 nhóm dịch vụ hệ sinh thái (cung cấp, điều tiết, hỗ trợ và văn hóa) góp phần tích cực phát triển kinh tế, ổn định xã hội, BVMT và phòng tránh thiên tai trong vùng; Việc quản lý và sử dụng tài nguyên ĐNN hiện nay còn nhiều bất cập ảnh hưởng đến việc sử dụng bền vững ĐNN tại khu vực hồ Ba Bể:

(1) Hiệu quả thể chế, chính sách bảo tồn ĐNN và sự phối hợp tham gia giữa các bên liên quan, đặc biệt là cộng đồng chưa cao; (2) Nhiều diện tích ĐNN ven hồ Ba Bể bị chuyển đổi, sử dụng và xây dựng trái phép gây mất mỹ quan, ảnh hưởng tiêu cực đến HST ĐNN hồ Ba Bể; (3) Khai thác quá mức bằng các phương tiện, cách thức không bền vững, mặc dù UBND tỉnh đã ban hành Quy hoạch khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh trong đó có khu Ramsar VQG Ba Bể; (4) Ô nhiễm môi trường, nguồn nước từ các hoạt động sinh kế khu vực hồ Ba Bể, trong đó có các hoạt động dịch vụ du lịch và bồi lắng phù sa từ các lưu vực hồ Ba Bể (5) Nhận thức cộng đồng và năng lực quản lý, bảo tồn ĐNN hạn chế; (6) Cơ chế phối hợp, điều phối và sự tham gia các bên liên quan trong quản lý ĐNN còn chưa rõ ràng, kém hiệu quả; (7) Chưa có quy hoạch sử dụng đất, đồng thời năng lực quản lý, xử lý trong sử dụng đất còn

hiệu bất cập; (8) Việc gia tăng các hoạt động phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt việc đẩy mạnh phát triển du lịch tạo sức ép và khoảng trống trong quản lý và bảo tồn ĐNN, tiềm ẩn nhiều nguy cơ xung đột, ô nhiễm môi trường, HST của hồ Ba Bể.

Bên cạnh những tồn tại và bất cập, việc quản lý bền vững và sử dụng khôn khéo ĐNN tại hồ Ba Bể cũng có những thuận lợi, khó khăn và thách thức nhất định với sự tương tác, liên quan ở các mức độ khác nhau của 26 bên liên quan trong quản lý và sử dụng ĐNN tại khu vực, gồm 3 Nhóm các bên liên quan chính: Nhóm liên quan trực tiếp; Nhóm liên quan gián tiếp và Nhóm ban hành chính sách vĩ mô ở Trung ương.

Các giải pháp quản lý bền vững ĐNN dựa vào cộng đồng khu vực hồ Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn trong mối quan hệ hài hòa hai chiều giữa hệ thống tự nhiên và hệ thống xã hội một cách hệ thống có sự tham gia, chia sẻ lợi ích giữa các cộng đồng liên quan trong khu vực, đặc biệt người dân địa phương giải quyết các bất cập trong quản lý và sử dụng ĐNN hiện nay theo 5 nguyên tắc quản lý bảo tồn dựa vào cộng đồng cùng với các cơ chế chính sách, hoạt động cụ thể để triển khai thực hiện. Các giải pháp cụ thể gồm: (1) Hoàn thiện quy hoạch sử dụng đất chi tiết tới cấp thôn (2) Xây dựng và thực hiện cơ chế hợp tác trong quản lý bảo tồn và chia sẻ lợi ích giữa các bên liên quan, đặc biệt là sự tham gia cộng đồng địa phương, đối tượng hưởng lợi trực tiếp từ các dịch vụ HST ĐNN của hồ Ba Bể; (3) Ngăn ngừa ô nhiễm môi trường ĐNN khu vực hồ Ba Bể, suy thoái tài nguyên ĐNN do các hoạt động phát triển kinh tế, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và thích ứng với BĐKH; (4) Tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức cộng đồng và các bên liên quan trong việc phát huy các giá trị tích cực của TTĐ nhằm quản lý bền vững ĐNN khu vực hồ Ba Bể; 5) Thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu, hợp tác tuyên truyền, giáo dục môi trường, góp phần quản lý bền vững tài nguyên ĐNN khu vực hồ

Ba Bể. Mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng để quản lý bền vững ĐNN khu vực hồ Ba Bể thuộc VQG Ba Bể được đề xuất trên cơ sở phân tích, đánh giá mô hình Hợp tác xã xuồng đã áp dụng trước đây, nhưng thất bại tại khu vực hồ Ba Bể, các mô hình đã áp dụng thành công tại các khu vực tương tự.

2. Khuyến nghị

Kết quả nghiên cứu của luận án là bước đầu trong việc đánh giá cơ sở lý luận và thực tiễn về cách tiếp cận quản lý bảo tồn dựa vào cộng đồng để quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên khu Ramsar VQG Ba Bể thông qua việc áp dụng mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng.

Xem xét thử nghiệm để tiếp tục phát triển nhân rộng mô hình nhằm tăng cường sự tham gia của cộng đồng, đảm bảo việc chia sẻ công bằng lợi ích của cộng đồng và các cộng đồng liên quan, những người trực tiếp, gián tiếp tham gia vào các hoạt động bảo tồn hệ sinh thái ĐNN và phát triển kinh tế xã hội nói chung cũng như sự tham gia của các cộng đồng liên quan vào mô hình nói riêng tại địa phương.

Trong phạm vi nghiên cứu của luận án chưa có điều kiện để thử nghiệm đề xuất mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng nhằm quản lý bền vững ĐNN tại khu vực hồ Ba Bể, bên cạnh đó, sau khi thử nghiệm áp dụng mô hình, cần có sự đánh giá một cách toàn diện hiệu quả và tác động của mô hình. Đây chính là định hướng cho các nghiên cứu tiếp theo để tiếp nối khoảng trống nghiên cứu trong thời gian tới. Do đó, cần có thêm nghiên cứu về tác động của biến đổi khí hậu, bồi lắng do biến động của tự nhiên và tác động của các hoạt động phát triển kinh tế xã hội, trong đó có các hoạt động phát triển du lịch, từ đó đề xuất các giải pháp khả thi để thực hiện.